

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Thu Hiền;

Bà Phạm Thị Kim Thu;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh VQD, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số A, phố B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Chị NTTH, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số A, phố B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh VQD có đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 9 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị NTTH được ly hôn và trình bày:

Anh và chị NTTH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận F, thành phố Hải Phòng vào ngày 05 tháng 12 năm 2001. Quá trình chung sống thời gian đầu anh và chị NTTH chung sống hạnh phúc và có với nhau ba con chung. Đến năm 2010 anh chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống. Mặt khác do chị NTTH tự ý vay tiền để tiêu dùng cá nhân mà không nói với anh dẫn đến nợ nần thường xuyên. Anh đã nhiều lần phải đứng ra trả tiền cho chủ nợ thay cho chị NTTH. Tuy nhiên đến nay anh không còn đủ sức để trả nợ cho chị NTTH được nữa dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, thường xuyên xô xát, cãi vã. Anh chị hiện đang sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Bản thân anh đã không còn một chút niềm tin nào đối với chị NTTH, cũng không còn tình cảm với chị NTTH và không có cơ hội để hàn gắn, đoàn tụ. Do vậy, anh làm đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị NTTH.

Về con chung: Anh chị có ba con chung là: G, sinh ngày 11/8/2002; H, sinh ngày 19/01/2006 và I, sinh ngày 16/01/2014. Ly hôn anh đề nghị được nuôi con H và I cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con G đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị NTTH tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Anh VQD không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, tại buổi làm việc ngày 29 tháng 11 năm 2022, bị đơn chị NTTH trình bày:

Chị xác nhận về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, con chung như anh VQD trình bày là đúng. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng phát sinh sau khi kết hôn được 05 năm, nguyên nhân là do anh VQD có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Vì thương các con còn nhỏ dại, chị đã tha thứ cho anh VQD để các con có đầy đủ mái ấm gia đình. Nhưng anh VQD không thay đổi mà vẫn tiếp tục có quan hệ bất chính với người khác. Hơn nữa vào thời điểm đó gia đình chị gặp nhiều khó khăn về kinh tế, nợ nần. Mâu thuẫn đỉnh điểm bắt đầu từ năm 2015, tuy sống cùng nhà nhưng vợ chồng ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Đến nay chị được biết anh VQD làm thủ tục xin ly hôn chị tại Tòa án thì chị cũng đồng ý ly hôn nhưng chị đề nghị được chia tài sản chung vợ chồng là căn nhà tại địa chỉ số A, B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng. Chị cũng nêu ý kiến đề nghị Tòa án cho chị thời gian 15 ngày kể từ ngày 29/11/2022 để chị thu thập tài liệu, chứng cứ giao nộp cho Tòa án. Hết thời hạn trên mà chị không giao nộp được tài liệu, chứng cứ thì chị và anh VQD sẽ giải quyết với nhau bằng một vụ án khác mà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Về việc nuôi con chị đồng ý để anh VQD nuôi hai con là H và I, con G đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Mâu thuẫn giữa anh VQD và chị NTTH là có thật, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống. Hiện nay anh chị ấy đang sống ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình, không

ai còn quan tâm đến ai. Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tài liệu xác minh tại gia đình anh VQD thể hiện: Trong cuộc sống chung của vợ chồng anh VQD và chị NTTH có phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do lối sống, tính cách không hợp nhau. Mâu thuẫn đỉnh điểm, chị NTTH nợ nần và có thời gian phải vào Sài Gòn để trốn nợ. Tuy nhiên vì con cái, gia đình họ hàng hai bên cũng nhiều lần khuyên nhủ để vợ chồng anh chị ấy quay về chung sống với nhau nhưng tình cảm cũng không được cải thiện mà mâu thuẫn ngày càng trở nên căng thẳng hơn, hiện nay anh chị ấy đang sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Gia đình anh VQD đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa anh VQD có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về việc chia tài sản chung thì anh và chị NTTH đã có thỏa thuận miệng với nhau đợi các con đủ 18 tuổi sẽ làm Hợp đồng tặng cho các con tài sản, chị NTTH đã đồng ý với phương án này. Trường hợp sau này nếu có phát sinh tranh chấp về chia tài sản chung thì anh và chị NTTH sẽ giải quyết bằng một vụ án khác sau.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho anh VQD được ly hôn chị NTTH. Về con chung: Giao hai con chung là H, sinh ngày 19/01/2006 và I, sinh ngày 16/01/2014 cho anh VQD nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh chị tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Con G, sinh ngày 11/8/2002 đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên anh VQD, chị NTTH đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Anh VQD không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị NTTH yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà số A, B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng và đề

ngợi Tòa án cho chị thời gian 15 ngày để thu thập tài liệu, chứng cứ giao nộp cho Tòa án, hết thời hạn trên mà chị không giao nộp được tài liệu, chứng cứ thì chị và anh VQD sẽ giải quyết với nhau bằng một vụ án khác. Theo đề nghị của chị Tòa án đã cho chị thời gian 15 ngày để chị thu thập, xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh đây là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên hết thời hạn trên chị vẫn không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của mình. Tòa án đã ra thông báo về việc không thụ lý yêu cầu của chị về việc chia tài sản chung và dành quyền khởi kiện cho chị bằng một vụ án dân sự khác, nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị NTTH trong vụ án này. Về các vấn đề khác: Anh VQD không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại: Số A, B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh VQD và chị NTTH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận F, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, biên bản ghi ý kiến của gia đình nguyên đơn, biên bản xác minh tại Tổ dân phố nơi anh VQD, chị NTTH cư trú thấy quá trình chung sống giữa hai anh chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau. Khoảng từ năm 2015 đến nay anh chị sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa anh VQD và chị NTTH là có thật. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản công khai chứng cứ và tại phiên tòa anh VQD đều khai thống nhất mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng do bất đồng về tính cách, quan điểm sống, lối sống, kinh tế anh VQD không còn tình cảm gì với chị NTTH nữa, nếu tiếp tục chung

sống chỉ gây đau khổ cho cả hai. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh VQD là cần thiết, bảo đảm quyền ly hôn của nguyên đơn, giúp cho anh chị sớm ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự.

[5] Về con chung: Anh chị có 03 con chung là: G, sinh ngày 11/8/2002; H, sinh ngày 19/01/2006 và I, sinh ngày 16/01/2014. Ly hôn anh đề nghị được nuôi con H và I cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con G đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Xét thấy, các cháu thực tế đang ở với anh VQD, do anh VQD trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh VQD có công việc, nhà cửa, thu nhập ổn định; hai con có đơn xin được ở với anh VQD; mặt khác chị NTTH cũng đồng ý giao hai con cho anh VQD nuôi. Nên việc giao hai con chung cho anh VQD trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, nguyện vọng của nguyên đơn, bị đơn và hai con. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con H và I cho anh VQD trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh VQD, chị NTTH tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn anh VQD không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Bị đơn chị NTTH tại biên bản làm việc ngày 29 tháng 11 năm 2022 có yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là căn nhà số A, B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng và đề nghị Tòa án cho chị thời gian 15 ngày kể từ ngày 29/11/2022 để chị thu thập tài liệu, chứng cứ giao nộp cho Tòa án. Hết thời hạn trên mà chị không giao nộp được tài liệu, chứng cứ thì chị và anh VQD sẽ giải quyết với nhau bằng một vụ án khác. Tuy nhiên hết thời hạn trên chị vẫn không giao nộp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu chia tài sản chung của mình. Tòa án đã ra thông báo số 01/TB-TA ngày 03/01/2023 về việc đã hết thời hạn 15 ngày nhưng chị không giao nộp được tài liệu, chứng cứ chứng minh căn nhà số A, B, phường C, quận D là tài sản chung vợ chồng. Vì vậy Tòa án không thụ lý giải quyết yêu cầu của chị về chia tài sản chung vợ chồng là căn nhà số A, B, phường C, quận D trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu không tự giải quyết được về chia tài sản chung, các bên có quyền khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác sau.

[7] Về các vấn đề khác: Anh VQD không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Anh VQD phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh VQD được ly hôn chị NTTH.

2. Về con chung: Giao hai con chung là: H, sinh ngày 19/01/2006 và I, sinh ngày 16/01/2014 cho anh VQD trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh VQD và chị NTTH tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết. Con G, sinh ngày 11/8/2002 đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, anh VQD không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Do nguyên đơn không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh về yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu không tự giải quyết được về tài sản chung, các bên có thể khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác sau.

4. Về các vấn đề khác: Anh VQD không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

5. Về án phí: Anh VQD phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009590, ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Anh VQD đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường E, F;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phương